

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 232/2024/DS-ST

Ngày: 23-12-2024

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Duyên

2. Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham
gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 492/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số A phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thanh D, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Bến Tre; địa chỉ: 2 T, Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ: 1 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Trúc G, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/12/2019, Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T (gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Lê Văn S vay và đã giải ngân với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng

5500076503 với mã món vay số 6600000716704311 để thực hiện phương án xây hồ xí và cống nước, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 11/12/2024, lãi suất vay trong hạn là 9%/năm. Trong quá trình vay, ông S không trả nợ gốc như đã thỏa thuận cho Ngân hàng và số tiền lãi đã trả 8.615.348 đồng (Tám triệu sáu trăm mười lăm nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng).

Ngày 22/5/2023, Ngân hàng cho ông Lê Văn S vay tiếp và đã giải ngân với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng 5500076503 với mã món vay số 6600000725800809 để thực hiện phương án mua tôm và cải tạo ao, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 22/5/2026, lãi suất vay trong hạn là 8.25%/năm. Trong quá trình vay, ông S không trả nợ gốc cho Ngân hàng và số tiền lãi đã trả 3.315.818 đồng (Ba triệu ba trăm mười lăm ngàn tám trăm mười tám đồng).

Việc ông Lê Văn S vay 02 khoản vay nêu trên thì bà Trần Thị Trúc G là vợ ông Lê Văn S có biết và cùng sử dụng chung số tiền đã vay của Ngân hàng. Bà Trần Thị Trúc G cũng đã ủy quyền ông Lê Văn S vay vốn của Ngân hàng.

Hiện nay ông Lê Văn S đang bị tạm giam trong vụ án hình sự, bà Trần Thị Trúc G không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng C yêu cầu ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 tổng cộng là 50.093.699 đồng (Năm mươi triệu không trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng). Tuy nhiên do quá trình đánh máy bị nhầm nên nay Ngân hàng C thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 tổng cộng là 50.073.699 đồng (Năm mươi triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng), trong đó bao gồm: Số tiền nợ gốc của món vay số 6600000716704311 ngày 11/12/2019 là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), số tiền nợ lãi của món vay 6600000716704311 ngày 11/12/2019 là 39.452 đồng (Ba mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng); số tiền nợ gốc của món vay 6600000725800809 ngày 22/5/2023 là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và số tiền nợ lãi của món vay 6600000725800809 ngày 22/5/2023 là 34.247 đồng (Ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng). Đồng thời, yêu cầu ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại món vay số 6600000716704311 ngày 11/12/2019 và món vay số 6600000725800809 ngày 22/5/2023. Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02/12/2024 và đơn yêu cầu ngày 02/12/2024, bị đơn ông Lê Văn S trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 11/12/2019, ông có ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng C số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) giống như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Sau đó, vào ngày 25/5/2023, ông có ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng C số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) giống như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do ông vi phạm pháp luật và bị tạm giam nên ông không thể trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng C. Nay Ngân hàng C yêu cầu ông và bà Trần Thị Trúc G (vợ ông) có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho Ngân hàng C số tiền là: 50.093.699 đồng (Năm mươi triệu, không trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/09/2024 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện; mức lãi suất kể từ ngày 30/9/2024 của hợp đồng tín dụng số 6600000716704311 với dư nợ 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm và hợp đồng tín dụng số 6600000725800809 với dư nợ 30.000.000 đồng, lãi suất 8.25%/năm thì ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và phiên tòa xét xử vụ án tại Tòa án có thẩm quyền.

Tại Bản tự khai ngày 14/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Trúc G trình bày:

Bà và ông Lê Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ: 1 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước đây, bà không nhớ thời gian cụ thể, bà có làm giấy ủy quyền cho ông Lê Văn S để vay vốn của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau đó, ông Lê Văn S có ký hợp đồng vay của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bến Tre với số tiền vay tổng cộng là 50.000.000 đồng. Quá trình đóng lãi thì bà và ông S không thực hiện trả lãi theo đúng thỏa thuận do điều kiện kinh tế không thuận lợi. Nay Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bến Tre yêu cầu bà và ông Lê Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền là 50.093.699 đồng và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết thì bà đồng ý toàn bộ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Lê Văn S và bà TRẦN Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả

số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng và tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh xong hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Lê Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Trúc G trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Văn S cư trú tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Thanh D, ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 tổng cộng là 50.073.699 đồng (Năm mươi triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng), trong đó bao gồm: Số tiền nợ gốc của món vay số 6600000716704311 ngày 11/12/2019 là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), số tiền nợ lãi của món vay 6600000716704311 ngày 11/12/2019 là 39.452 đồng (Ba mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng); số tiền nợ gốc của món vay 6600000725800809 ngày 22/5/2023 là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và số tiền nợ lãi của món vay 6600000725800809 ngày 22/5/2023 là 34.247 đồng (Ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng). Yêu cầu ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại món vay số 6600000716704311 ngày 11/12/2019 và món vay số 6600000725800809 ngày 22/5/2023. Đối với, bị đơn ông Lê Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Trúc G cùng thừa nhận có vay nợ của Ngân hàng và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng cung cấp: Sổ vay vốn của người vay Lê Văn S, sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ – dư nợ ngày 11/12/2019 với mã món vay 6600000716704311, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/12/2019, sổ lưu từ rời theo

đổi cho vay – thu nợ – dư nợ ngày 22/5/2023 với mã món vay 6600000725800809, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 18/5/2023. Thấy rằng, các thỏa thuận ký kết vay vốn của Ngân hàng với ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G là phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Căn cứ vào sổ theo dõi lịch trả nợ của Ngân hàng và sự thừa nhận nợ của ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G, thể hiện ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo các thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc, nợ lãi cho Ngân hàng và lãi phát sinh theo các thỏa thuận đã ký kết.

[5] Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: $50.073.699 \text{ đồng} \times 5\% = 2.503.685 \text{ đồng}$ (Hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền tổng cộng là 50.073.699 đồng (Năm mươi triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc của món vay số 6600000716704311 ngày 11/12/2019 là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), số tiền nợ lãi của món vay số 6600000716704311 ngày 11/12/2019 là 39.452 đồng (Ba mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) và số tiền nợ gốc của món vay số 6600000725800809 ngày 22/5/2023 là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng),

số tiền nợ lãi của món vay số 6600000725800809 ngày 22/5/2023 là 34.247 đồng (Ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

2. Buộc ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng C, lãi tính từ ngày 01/10/2024 cho đến khi ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G trả hết nợ cho Ngân hàng C theo mức lãi suất thỏa thuận thể hiện tại mã món vay số 6600000716704311 ngày 11/12/2019 và mã món vay số 6600000725800809 ngày 22/5/2023.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Lê Văn S và bà Trần Thị Trúc G có nghĩa vụ liên đới nộp 2.503.685 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ ba nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú